



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hòa, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
ĐT: 0254.3936.838 Fax: 02543.936.839 Email: environment@phumy3sip.com Website: www.phumy3sip.com

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC
CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3
THÁNG 06 NĂM 2025**

Stt	Ngày	Giá trị trung bình pH	Giá trị trung bình Nhiệt độ (°C)	Giá trị trung bình TSS (mg/l)	Giá trị trung bình COD (mg/l)	Giá trị trung bình Amoni (mg/l)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu vào (m³/ngày)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu ra (m³/ngày)
1	01/06/2025	7,80	34,60	5,30	15,24	0,30	5.286	9.607
2	02/06/2025	7,86	34,35	5,75	22,97	0,36	6.296	10.046
3	03/06/2025	7,91	33,47	9,35	27,14	0,72	6.673	8.434
4	04/06/2025	7,72	33,04	9,67	29,87	0,81	6.880	7.288
5	05/06/2025	7,66	33,29	6,68	34,75	0,85	6.257	8.032
6	06/06/2025	7,68	33,50	8,00	31,34	0,87	6.101	7.213
7	07/06/2025	7,76	33,34	10,87	22,59	0,66	5.823	7.424
8	08/06/2025	7,63	33,33	6,05	22,54	0,30	4.815	10.627
9	09/06/2025	7,63	33,19	3,78	21,32	0,46	5.657	9.616
10	10/06/2025	7,61	33,03	9,04	18,46	0,49	5.847	9.823
11	11/06/2025	7,78	32,83	8,50	20,70	0,33	5.930	9.764
12	12/06/2025	7,74	32,69	14,64	21,00	0,30	5.645	9.719
13	13/06/2025	7,77	32,71	9,56	22,94	0,30	5.605	9.415
14	14/06/2025	7,76	33,26	6,51	22,82	0,30	4.770	9.461
15	15/06/2025	7,85	33,28	4,16	22,68	0,30	2.771	7.492
16	16/06/2025	7,88	33,60	6,80	25,13	0,33	4.092	7.632
17	17/06/2025	7,78	33,71	10,34	23,70	0,30	5.705	10.129
18	18/06/2025	7,73	33,92	4,32	20,41	0,35	5.409	10.453
19	19/06/2025	7,66	34,28	5,83	19,41	0,30	4.862	10.961
20	20/06/2025	7,61	34,36	10,29	21,91	0,31	5.107	11.192
21	21/06/2025	7,52	34,39	7,84	21,68	0,30	4.354	10.628
22	22/06/2025	7,45	34,36	6,59	22,45	0,31	3.689	10.177
23	23/06/2025	7,58	34,48	5,44	26,95	0,37	4.195	10.233
24	24/06/2025	7,58	34,63	9,24	30,77	0,50	4.579	10.136
25	25/06/2025	7,59	34,40	5,98	31,33	0,53	5.174	11.999
26	26/06/2025	7,47	34,28	14,92	27,05	0,64	4.955	9.502
27	27/06/2025	7,59	33,96	12,09	31,42	0,85	5.058	8.344
28	28/06/2025	7,60	34,11	13,33	33,11	0,78	4.578	10.118
29	29/06/2025	7,56	34,18	10,59	17,49	0,62	3.650	10.479
30	30/06/2025	7,58	34,16	9,45	23,55	0,52	4.687	10.211
Giá trị trung bình ngày		7,68	33,76 (°C)	8,36 (mg/l)	24,42 (mg/l)	0,48 (mg/l)	5.148 (m³/ngày)	9.538 (m³/ngày)
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K ₁ = K ₂ = 0,9. (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)		6 - 9	40 (°C)	40,5 (mg/l)	60,75 (mg/l)	4,05 (mg/l)	-	-

W